Số: 37/NQ-HĐND
Thời gian ký: 2026-05-15T09:28:59+07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Nhằm thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 được đồng bộ, kịp thời làm cơ sở tổ chức triển khai thống nhất và có hiệu quả trên địa bàn tỉnh (giai đoạn I: 2026 – 2030), Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi tắt là Chương trình) với các nội dung chính sau:

I. Mục tiêu của Chương trình

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu. Phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, bảo đảm bình đẳng giới và an sinh xã hội. Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn, sinh thái, gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp để nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống và thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng, nhóm dân cư, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số so với các vùng khác. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc thiểu số; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, nhất là tại các địa bàn trọng điểm, khu vực biên giới của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Phấn đấu tăng thu nhập bình quân của người dân nông thôn gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020, tăng thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của tỉnh;

b) Phấn đấu đến năm 2030, không còn hộ nghèo *(theo chuẩn nghèo Trung ương giai đoạn 2026-2030).*

c) Phấn đấu vùng đồng bào dân tộc thiểu số cơ bản không còn xã khó khăn.

d) Phấn đấu có 82/82 xã đạt chuẩn nông thôn mới (100% số xã), trong đó, có 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại (12% số xã đạt chuẩn nông thôn mới).

II. Phạm vi và đối tượng thụ hưởng và thời gian thực hiện

1. Phạm vi

Chương trình thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh; ưu tiên các xã, ấp khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới.

2. Đối tượng thụ hưởng

Các xã, ấp, người dân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), vùng đồng bào dân tộc thiểu số, an toàn khu, biên giới.

3. Thời gian thực hiện

Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

III. Các hợp phần và nội dung thành phần của Chương trình

1. Hợp phần thứ nhất: Các nội dung chung thực hiện trên địa bàn tỉnh (Thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh; chỉ thực hiện tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số đối với những nội dung Hợp phần thứ hai không quy định, nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình)

a) Nội dung thành phần 01: Hoàn thiện quy hoạch theo quy định bảo đảm đồng bộ, phù hợp, phát huy lợi thế vùng, miền và phát triển bền vững.

b) Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường.

d) Nội dung thành phần 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững.

đ) Nội dung thành phần 05: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, trợ giúp pháp lý và thúc đẩy bình đẳng giới.

e) Nội dung thành phần 06: Phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn.

ê) Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn.

g) Nội dung thành phần 08: Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

h) Nội dung thành phần 09: Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

i) Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Hợp phần thứ hai: Các nội dung đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

a) Nội dung thành phần 01: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Nội dung thành phần 02: Hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Nội dung thành phần 03: Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Nội dung thành phần 04: Công tác truyền thông, tuyên truyền; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

IV. Dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu nguồn lực thực hiện Chương trình

Tổng vốn huy động nguồn lực thực hiện giai đoạn 2026-2030, khoảng 17.411.000 triệu đồng, cơ cấu cụ thể như sau:

1. Ngân sách nhà nước bố trí cho Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 3.501.000 triệu đồng (chiếm 20,1%), trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: Khoảng 148.000 triệu đồng - kinh phí sự nghiệp chuyển nguồn từ năm 2025 sang (chiếm 0,9%).

- Vốn ngân sách tỉnh: Khoảng 2.624.000 triệu đồng (chiếm 15,1%),

+ Vốn đầu tư phát triển: Khoảng 2.430.000 triệu đồng;

+ Vốn sự nghiệp: Khoảng 194.000 triệu đồng;

- Vốn ngân sách xã: Khoảng 729.000 triệu đồng (chiếm 4,2%),

2. Vốn lồng ghép: Khoảng 10.588.000 triệu đồng (chiếm 60,8%).

3. Vốn tín dụng: Khoảng 676.000 triệu đồng (chiếm 3,9%).

4. Vốn doanh nghiệp: Khoảng 1.117.000 triệu đồng (chiếm 6,4%).

5. Huy động đóng góp của người dân và cộng đồng: Khoảng 1.529.000 triệu đồng (chiếm 8,8%).

V. Giải pháp thực hiện Chương trình

1. Hoàn thiện cơ chế, tổ chức thực hiện

Rà soát, ban hành kịp thời các quy định, hướng dẫn phù hợp với điều kiện thực tế; triển khai đầy đủ quy định của Trung ương về phân định địa bàn, đối tượng; đẩy mạnh phân cấp cho cấp xã gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.

2. Nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững

Duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới; ưu tiên hỗ trợ địa bàn khó khăn, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, phòng ngừa tái nghèo.

3. Phát triển kinh tế nông thôn và sinh kế bền vững

Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng khoa học – công nghệ, liên kết chuỗi giá trị; phát triển sản phẩm OCOP, du lịch nông thôn; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

4. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực

Bố trí, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn; ưu tiên địa bàn khó khăn; khuyến khích huy động nguồn lực xã hội; phát triển tín dụng chính sách, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận vốn.

5. Phát huy vai trò chủ thể của người dân, doanh nghiệp và cộng đồng

Khuyến khích sự tham gia chủ động của người dân; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tăng cường liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

6. Tăng cường quản lý, giám sát và ứng dụng công nghệ thông tin

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi, đánh giá; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát; bảo đảm công khai, minh bạch; kịp thời khen thưởng, xử lý vi phạm.

VI. Phân công tổ chức thực hiện Chương trình

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Căn cứ mục tiêu được quy định tại mục 1 của Chương trình này, xác định, giao mục tiêu 05 năm và hằng năm cho cấp xã để thực hiện.

b) Thực hiện các nhiệm vụ tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ; các nhiệm vụ thuộc Chương trình được giao tại Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030; Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 và các quy định, hướng dẫn có liên quan.

c) Chỉ đạo, phân công trách nhiệm của các sở, ban, ngành và UBND cấp xã trong việc tổ chức thực hiện Chương trình, các nội dung của Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

d) Căn cứ điều kiện thực tế, chỉ đạo thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình các cấp; thành lập bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo trên cơ sở thành lập mới hoặc kế thừa bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, đảm bảo tinh gọn, hiệu quả và không phát sinh đầu mối quản lý nhà nước, không làm tăng biên chế.

đ) Tiếp tục cân đối ngân sách tỉnh để ưu tiên bổ sung cho Chương trình, bao gồm cả vốn tín dụng chính sách xã hội, nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

e) Hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Chương trình vào kỳ họp cuối năm hoặc theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh. Năm 2030, tổng kết việc thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030. Theo thẩm quyền, kịp thời điều chỉnh nội dung, danh mục, nguồn vốn theo quy định, để đảm bảo tính linh hoạt, hiệu quả trong điều hành Chương trình.

g) Tăng cường vận động các tổ chức kinh tế đăng ký hỗ trợ cấp xã, ấp, nhất là các xã, ấp khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, an toàn khu, biên giới, thực hiện xây dựng nông thôn mới; vận động, khuyến khích người dân tham gia, đóng góp xây dựng nông thôn mới theo hình thức tự nguyện, không huy động quá sức dân và để phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản của Chương trình.

h) Chỉ đạo tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện Chương trình; chỉ đạo cấp xã cân đối, bố trí vốn đối ứng, huy động, lồng ghép và sử dụng các nguồn lực để thực hiện hiệu quả Chương trình; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý Chương trình.

2. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Xây dựng kế hoạch bảo đảm sát nhu cầu thực tế và cân đối, bố trí ngân sách địa phương, huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình trên địa bàn, phấn đấu hoàn thành mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt; không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

b) Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp cuối năm và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Chương trình./.